

# Định hướng khảo luận tầm nguyên hệ thống yếu tố Hán Việt bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh

Nguyễn Thị Thanh Chung\*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài 15/8/2019; ngày chuyển phản biện 19/8/2019; ngày nhận phản biện 16/9/2019; ngày chấp nhận đăng 20/9/2019

## ***Tóm tắt:***

Hệ thống yếu tố Hán Việt (HV) giữ một vị trí quan trọng trong việc tạo ra tiếng Việt nói chung, tiếng Việt đương đại nói riêng, bởi trong tiếng Việt, số từ HV chiếm hơn 70%, vì vậy nghiên cứu về hệ thống yếu tố ngôn ngữ này là rất quan trọng để hiểu rõ hơn về tiếng Việt. Khi nghiên cứu hệ thống yếu tố ngôn ngữ này, phương pháp lịch sử - so sánh trong nghiên cứu ngôn ngữ nói chung gồm thủ pháp phục nguyên bên trong, thủ pháp niên đại hóa, thủ pháp giải thích về văn hóa và lịch sử là phù hợp. Với các thủ pháp của phương pháp này, hệ thống yếu tố HV được phục nguyên bên trong từ cơ sở tìm hiểu phương diện hình thể, âm đọc, ý nghĩa của từng yếu tố trên trục lịch đại và đồng đại. Hình thể của yếu tố HV được tầm nguyên nguyên tự và nghiên cứu giá trị biểu đạt của nó. Âm đọc của yếu tố HV được nghiên cứu trong quá trình phát triển với sự tồn tại của hệ thống âm tiền HV, âm HV, âm HV Việt hóa. Phương diện ý nghĩa được nghiên cứu trong sự vận động, sáng tạo và sức sống của tiếng Việt. Thủ pháp niên đại hóa hướng đến lý giải sự tồn tại của yếu tố HV gắn liền với sự kiện văn hóa lịch sử. Dấu ấn về văn hóa và lịch sử lưu giữ trong yếu tố HV sẽ được tìm hiểu bằng thủ pháp giải thích về văn hóa lịch sử.

***Từ khóa:*** nghiên cứu lịch sử - so sánh, thủ pháp giải thích về mặt văn hóa và lịch sử, thủ pháp niên đại hóa, thủ pháp phục nguyên bên trong, yếu tố Hán Việt.

***Chỉ số phân loại:*** 5.10

## **Mở đầu**

Hệ thống yếu tố HV được giới khoa học nghiên cứu bằng nhiều phương pháp khác nhau. Phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh gồm thủ pháp phục nguyên bên trong, niên đại hóa, giải thích văn hóa lịch sử được dùng để tìm hiểu hệ thống yếu tố HV với các phương diện hình thể, âm đọc, ý nghĩa trên trục lịch đại và đồng đại. Hình thể của yếu tố HV được tầm nguyên đến nguyên tự và nghiên cứu giá trị biểu đạt của nó. Âm đọc của yếu tố HV được nghiên cứu trong quá trình phát triển với sự tồn tại của hệ thống âm tiền HV, âm HV, âm HV Việt hóa. Phương diện ý nghĩa được nghiên cứu từ sự vận động, sáng tạo, khẳng định sức sống của tiếng Việt. Niên đại gắn liền với các sự kiện liên quan đến yếu tố HV được xác định, khảo biện. Văn hóa và lịch sử gắn liền với một yếu tố hoặc một hệ thống yếu tố cũng được tìm hiểu, luận giải. Sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh trong nghiên cứu hệ thống yếu tố HV là một định hướng nghiên cứu đem đến nhiều mảng nghiên cứu chuyên sâu có giá trị đối với hệ thống yếu tố HV nói riêng và tiếng Việt nói chung.

\*Email: thanhchungdhsp@gmail.com

## **Nội dung nghiên cứu**

***Khái luận chung về phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh***

***Khái niệm:***

Cuốn *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ* đã xác định: “Phương pháp lịch sử - so sánh gồm một hệ thống thủ pháp được dùng nghiên cứu sự phát triển lịch sử của một ngôn ngữ riêng biệt, nhằm thể hiện những quy luật bên trong và bên ngoài của chúng” [1]. Trong nghiên cứu ngôn ngữ có nhiều phương pháp được sử dụng, như phương pháp giải thích bên ngoài, phương pháp giải thích bên trong, phương pháp so sánh - lịch sử, phương pháp lịch sử - so sánh, phương pháp đối chiếu. Để nghiên cứu hệ thống yếu tố HV, người nghiên cứu có thể áp dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh bao gồm nhiều thủ pháp nghiên cứu khoa học thích hợp với việc tìm hiểu thấu đáo về hệ thống yếu tố này. Có thể thấy, việc nhìn nhận một ngôn ngữ từ đặc điểm tự thân có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định diện mạo, giá trị của nó. Trên cơ sở đó, đặc trưng và vị thế của nó được xác định trong mối tương quan với các ngôn ngữ khác thuộc dòng chung của ngôn ngữ

# Orientation of treatise on etymology for system of Sino - Vietnamese elements by historical - comparative method

Thi Thanh Chung Nguyen\*

Hanoi National University of Education

Received 15 August 2019; accepted 20 September 2019

## Abstract:

The system of Sino - Vietnamese elements plays an important role in forming the Vietnamese in general and the temporary Vietnamese in particular because it accounts for more than 70% of Vietnamese vocabulary, so the study of this linguistic element system is very significant to get a better understanding for Vietnamese. The historical - comparative method for this linguistic element system includes internal restoration, chronology, explanation on culture and history. With these tactics of the historical - comparative method, the Sino - Vietnamese element system is restored internally for the aim of learning the physical, phonetic, meaning aspects of each elements on both diachronic and synchronic sides. The topography of the Sino - Vietnamese elements is etymologised to original characters and researched on their expressing values. Pronunciation sound of the Sino - Vietnamese elements is researched in the process of self-movement with existence of various phonetic systems such as Sino - Vietnamese pre-phonetics, Sino - Vietnamese phonetics, and Vietnamese-based edited phonetics. The meaning aspect is researched from the movement, creativity, and vitality of Vietnamese, and the tactic of chronology aims at the explanation for existence of Sino - Vietnamese elements associated with certain historical landmarks. The historical and cultural imprints in the Sino - Vietnamese elements will be studied by the tactic of explanation on history and culture.

**Keywords:** historical - comparative method, Sino - Vietnamese elements, tactic of chronology, tactic of explanation on history and culture, tactic of internal restoration.

**Classification number:** 5.10

khu vực và nhân loại.

*Thủ pháp nghiên cứu thuộc phương pháp lịch sử - so sánh:*

Phương pháp lịch sử - so sánh bao gồm các thủ pháp quan trọng như thủ pháp phục nguyên bên trong, thủ pháp niên đại hóa, thủ pháp biểu đồ phương ngữ, thủ pháp giải thích về mặt văn hóa lịch sử. Mỗi thủ pháp có chức năng riêng trong tiếp cận đối tượng nghiên cứu và chúng được sử dụng một cách tương hỗ nhằm đạt được hiệu quả cao trong nghiên cứu. Bài viết đề cập đến những thủ pháp nghiên cứu của phương pháp lịch sử - so sánh được áp dụng trong nghiên cứu hệ thống yếu tố HV gồm thủ pháp phục nguyên bên trong, thủ pháp niên đại hóa, thủ pháp giải thích về mặt văn hóa và lịch sử.

Thứ nhất là thủ pháp phục nguyên bên trong. Tác giả Nguyễn Thiện Giáp xác định khái niệm thủ pháp phục nguyên bên trong như sau: “Thủ pháp này có thể áp dụng với một ngôn ngữ riêng biệt để tìm lại thông tin về quá khứ của nó. Trong phục nguyên bên trong, nhà ngôn ngữ chỉ làm việc với một ngôn ngữ riêng biệt và cố gắng xác định cái giống giai đoạn xưa, chưa được ghi lại của một ngôn ngữ. (...) Phục nguyên bên trong được xây dựng dựa trên những kết luận lịch đại rút ra từ sự phân tích đồng đại của một trạng thái ngôn ngữ” [1]. Thủ pháp phục nguyên bên trong có thể ứng dụng vào nghiên cứu hệ thống yếu tố HV. Thủ pháp này xem xét yếu tố ngôn ngữ trong tiến trình phát triển tự thân và phân tích một cách tường tận quá trình hình thành, phát triển các bộ phận cấu thành của nó.

Thứ hai là thủ pháp niên đại hóa. Thủ pháp niên đại hóa tiến hành xác định thời gian, diễn biến của sự kiện ngôn ngữ khi những sự kiện ấy khiến cho yếu tố HV chuyển biến, thay đổi. Thời gian được minh xác có thể chính xác tuyệt đối hoặc chỉ mang tính tương đối nhưng đều có ý nghĩa trong xác định quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ, văn tự. Thủ pháp này nghiên cứu sự xuất hiện đầu tiên, quá trình biến đổi của các di chỉ văn tự, dấu tích hiện tồn trong yếu tố HV. Chúng tích về văn tự trở thành căn cứ xác thực để nghiên cứu sự tồn tại tự thân của ngôn ngữ. Đặc biệt, hệ thống chứng tích văn tự có niên đại là cơ sở để xác định yếu tố bị biến khỏi ngôn ngữ hoặc chỉ còn lại dấu vết mờ nhạt.

Thứ ba là thủ pháp giải thích về mặt văn hóa và lịch sử. Yếu tố HV giữ một vị trí quan trọng trong tiếng Việt, có quá trình hình thành lâu dài và kinh qua nhiều biến động. Bởi vậy, yếu tố HV mang trong mình nhiều dấu ấn văn hóa, lịch sử trong quá trình phát triển của mình. Thủ pháp giải thích văn hóa lịch sử là công cụ để nghiên cứu dấu ấn lịch sử văn hóa trong hệ thống yếu tố ngôn ngữ này. Việc giải thích chứng tích, “hóa thạch” ngôn ngữ trong hệ thống yếu tố HV không chỉ nhằm mục đích tìm hiểu yếu tố ngôn ngữ cổ xưa mà còn hướng đến mục tiêu tường minh ngôn ngữ hiện đại. Nhìn chung, hệ thống yếu tố HV với quá trình hình thành, phát triển tự thân được nghiên cứu từ nhiều góc độ bằng thủ pháp giải thích về mặt văn hóa và lịch sử đem đến những phát hiện, kiến giải về đặc trưng văn hóa lịch sử còn ẩn chứa trong hệ thống yếu tố ngôn ngữ này.

### Định hướng nghiên cứu hệ thống yếu tố HV

*Định hướng phục nguyên bên trong cho yếu tố HV:*

Thủ pháp phục nguyên bên trong thực chất là “phục nguyên hình thức cổ hơn bằng cách đối chiếu những biểu hiện khác nhau của nó trong phạm vi cùng một ngôn ngữ. Thủ pháp phục nguyên bên trong tạo ra khả năng phát hiện đặc điểm vận động của các hình thức và các âm trong một ngôn ngữ cụ thể, phát hiện sự mâu thuẫn giữa các sự kiện và khuynh hướng mới và cũ, chỉ ra tính năng động của một trạng thái ngôn ngữ bất kỳ” [1]. Như vậy thủ pháp phục nguyên bên trong có ý nghĩa trong việc nghiên cứu quá trình vận động tự thân của ngôn ngữ. Đối với hệ thống yếu tố HV, thủ pháp phục nguyên bên trong được tiến hành trên cơ sở phân tách yếu tố HV thành những bộ phận cấu thành nên nó, gồm hình thể, âm đọc, ý nghĩa và nghiên cứu quá trình vận động tự thân của từng yếu tố. Những bộ phận cấu tạo nên yếu tố HV này có quá trình hình thành và phát triển trong tiến trình phát triển ngôn ngữ và văn tự của nước ta.

Định hướng nghiên cứu về mặt hình thể văn tự: mỗi yếu tố HV hiện tại được viết bằng chữ Quốc ngữ, tuy nhiên, trước khi được viết bằng chữ Quốc ngữ, yếu tố HV này có một hình thái tồn tại khác, được viết bằng văn tự hình khối biểu ý là chữ Hán. Vì vậy, việc phục nguyên bên trong yếu tố HV định hướng cho người nghiên cứu truy nguyên được hình thể của yếu tố HV, từ đó tìm ra được những giá trị, ý nghĩa trên cơ sở phục nguyên hình thức văn tự. Phương pháp này có mối quan hệ mật thiết với thủ pháp phân tích từ nguyên thuộc phương pháp nghiên cứu so sánh - lịch sử khi thủ pháp phân tích từ nguyên đặt đối tượng hình thể của yếu tố HV trong thế đối sánh với hình thể văn tự Hán cũng như xem xét quá trình phát triển của chúng. Dưới đây là dẫn chứng một yếu tố HV được phục nguyên bên trong về mặt hình thể trên cơ sở xác định nguyên tự của nó. Yếu tố HV *quốc* mang nghĩa “quốc gia”, có hình thể văn tự tâm nguyên là chữ Hán 國. Chữ viết 國 gồm bộ *vi* 囗 chỉ cương vực và *hoặc* 或 (cũng đọc *vực*, do hai nét ngang chỉ giới hạn, bộ *qua* 戈 chỉ vũ khí, bộ *khẩu* 口 chỉ con người). Từ thời Nam Bắc Triều (Trung Quốc), chữ 國 phồn thể được viết giản thể 国 gồm bộ *vi* 囗 bên ngoài và *ngọc* 玉 bên trong. Chữ này còn có dị thể gồm bộ *vi* 囗 bên ngoài và *vuông* 王 bên trong. Trong tiếng Việt ngày nay, chữ *quốc* không dùng như một từ đơn mà trở thành một phần của từ ghép như *quốc âm, quốc ca, quốc doanh, quốc đảo, quốc gia, quốc hoa, quốc khánh, quốc kỳ*... Yếu tố HV *quốc* khi được truy nguyên hình thể văn tự cho thấy sức hàm chứa một quan niệm về quốc gia với cương vực lãnh thổ, con người, sức mạnh quân đội. Chính quan niệm này khiến cho yếu tố HV khi được sử dụng trong tác phẩm văn học có được ý nghĩa sâu sắc trong biểu đạt ý niệm về chủ quyền và quyết tâm giữ chủ quyền của đất nước. Có thể thấy, nghiên cứu nguyên tự, phục nguyên yếu tố HV về mặt hình thể là cơ sở để việc

hiểu sâu hơn về yếu tố HV và ý nghĩa của những yếu tố này trong quá trình sử dụng ngôn ngữ thường nhật và sáng tác văn chương.

Định hướng nghiên cứu về mặt âm đọc: thủ pháp phục nguyên bên trong nghiên cứu âm đọc của mỗi yếu tố HV trong tiến trình phát triển của ngôn ngữ Việt Nam. Mỗi yếu tố HV từ khi gia nhập Việt Nam đến nay đã trải qua cả ngàn năm, âm đọc của nó cũng có những sự chuyển biến với hệ thống âm HV, âm tiền HV, âm HV Việt hóa. Về âm đọc HV, người Việt Nam mượn chữ Hán nhưng đã tạo ra hệ thống âm đọc chữ Hán của riêng mình, gọi là âm đọc HV. Tác giả Nguyễn Tài Căn nhận định: “Cách đọc HV bắt nguồn từ hệ thống ngữ âm tiếng Hán đời Đường, mà cụ thể là Đường âm dạy ở Giao Châu vào giai đoạn bao gồm khoảng hai thế kỷ VIII-IX. Nhưng cách đọc chữ Hán theo Đường âm đó, sau khi Việt Nam giành được độc lập, dần dần biến dạng đi, dưới tác động của quy luật ngữ âm và ngữ âm lịch sử tiếng Việt, tách xa hẳn cách đọc của người Hán, để trở thành cách đọc riêng biệt của người Việt và những người thuộc khu vực văn hóa Việt” [2]. Về âm đọc tiền HV, tác giả Nguyễn Ngọc San đã viết: “Trước đây, các nhà nghiên cứu chỉ nhắc đến âm cổ HV, tức là loại âm dùng đọc chữ Hán xuất hiện trước âm HV. Khái niệm cổ HV có thể gây ra hiểu nhầm rằng đây là âm HV cổ vẫn nằm trong phạm trù âm HV. Vì vậy, chúng tôi đề nghị gọi là âm tiền HV vì nó không liên quan đến âm HV. Chúng là những âm đọc chữ Hán đã du nhập vào tiếng Việt trước khi hình thành âm HV” [3]. Tác giả Nguyễn Ngọc San cũng chỉ ra quy luật biến đổi của sự biến đổi này như sự tách đôi âm /p/ thành /p/ và /f/, tách đôi âm /m/ thành /m/ và /v/, /a/ tròn môi đổi thành /a/ không tròn môi, nguyên âm đôi và ba /ie/, /io/, /ioi/, /iêi/ chuyển thành /i/... Ví dụ, âm HV *bi* (nguyên tự là 碑) có âm tiền HV là *bia*, âm HV *chủ* (nguyên tự là 主) có âm tiền HV là *chúa*, âm HV *di* (nguyên tự là 逵) có âm tiền HV là *dời*, âm HV *mộ* (nguyên tự là 墓) có âm tiền HV là *mả*, âm HV *phàm* (nguyên tự là 帆) có âm tiền HV là *buồm*... Sau âm đọc HV, yếu tố HV còn xuất hiện âm HV Việt hóa, âm HV Việt hóa là âm đọc hình thành sau khi âm HV đã trở thành hệ thống, chúng có quy luật phát triển ngữ âm để chuyển biến như biến đổi phụ âm đầu từ /k/ sang /g/, /đ/ sang /d/, /b/ sang /v/, /h/ sang /v/... Ví dụ, âm HV *ân* (nguyên tự là 恩) có âm HV Việt hóa là *on*, âm HV *bản* (nguyên tự là 本) có âm HV Việt hóa là *vốn*, âm HV *cận* (nguyên tự là 近) có âm HV Việt hóa là *gần*, âm HV *họa* (nguyên tự là 畫) có âm HV Việt hóa là *vẽ*, âm HV *sự* (nguyên tự là 事) có âm HV Việt hóa là *thờ*... Âm tiền HV và HV Việt hóa đã trở thành một bộ phận quan trọng của tiếng Việt và được sử dụng như từ thuần Việt, đúng như nhận định của tác giả Nguyễn Ngọc San: “Các từ tiền HV và HV Việt hóa có đặc điểm là đã được Việt hóa hoàn toàn về mặt ngữ âm, ngữ nghĩa và phong cách giống như từ bản địa, chúng có thể hoạt động độc lập trong cấu tạo từ và đặt câu. Chúng khác biệt rất nhiều với từ HV” [3]. Việc xác



định âm đọc theo tiến trình phát triển tự thân của ngôn ngữ giúp cho việc phân định từng lớp từ và xác định phong cách của chúng một cách rõ nét hơn, hoặc là phong cách giản dị, dân dã, hoặc là phong cách sang trọng, tao nhã của ngôn từ. Điều này có ý nghĩa đối với việc sử dụng ngôn từ thường nhật, sáng tác văn chương hoặc nghiên cứu tiếng Việt trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

Định hướng nghiên cứu về mặt ý nghĩa: yếu tố HV có quá trình vay mượn và phát triển nghĩa tự thân, hoàn toàn không phải vay mượn dập khuôn nghĩa của chữ Hán vốn là tự nguyên của yếu tố HV. Việc nghiên cứu sự phát triển ý nghĩa có thể khẳng định sức sống mạnh mẽ của ngôn ngữ Việt Nam, chứng minh tính độc lập của tiếng Việt. Yếu tố HV như mầm cây được sinh trưởng trên mảnh đất tiếng Việt nên có màu sắc riêng, vẻ đẹp riêng, chức năng riêng mặc dù hạt mầm được lấy từ một ngôn ngữ khác. Trong nghiên cứu ý nghĩa của yếu tố HV, thủ pháp phục nguyên bên trong của phương pháp lịch sử - so sánh có mối liên hệ mật thiết với thủ pháp giải thích từ nguyên của phương pháp nghiên cứu so sánh - lịch sử. Chúng kết hợp với nhau để xác định một cách tường tận sự biến chuyển về nghĩa của yếu tố HV. Ví dụ, chữ Hán 囚 (đọc âm HV là *tù*) trong tiếng Hán (theo từ điển *Từ nguyên*) [4] có hai nghĩa sau: (1) ép buộc, quản thúc, (2) người có tội bị giam cầm, còn yếu tố HV *tù* (nguyên tự là 囚) trong tiếng Việt có các nghĩa sau: (1) giam cầm (gia nhập vào các từ ghép như *tù binh*, *tù nhân*, *tù đày*), (2) người bị giam giữ (gia nhập vào các từ ghép như *tử tù*), (3) nơi giam giữ người phạm tội (gia nhập vào các từ ghép như *ngục tù*, *bổ tù*), (4) nước bị động không thoát (gia nhập vào các từ ghép như *tù đọng*). Như vậy, yếu tố HV *tù* và chữ Hán 囚 không tương đồng về nghĩa, yếu tố HV mở rộng về nghĩa so với chữ Hán trong *Từ nguyên* bằng cách thêm nghĩa “nước bị động, không thoát”. Chữ Hán 罪 (đọc âm HV là *tội*) trong tiếng Hán (theo từ điển *Từ nguyên*) [4] có bốn nghĩa sau: (1) phạm pháp, làm việc ác, (2) xử tội, trừng trị tội, (3) tội lỗi, (4) quy tội, còn yếu tố HV *tội* (nguyên tự là 罪) trong tiếng Việt có các nghĩa sau: (1) phạm vào pháp luật (gia nhập vào các từ ghép như *tội đồ*, *tội phạm*), (2) lỗi lầm (gia nhập vào các từ ghép như *xưng tội*, *rửa tội*), (3) việc thất bại, đáng thương (gia nhập vào các từ ghép như *tội nghiệp*). Như vậy, yếu tố HV *tội* và chữ Hán 罪 không tương đồng về nghĩa, yếu tố HV mở rộng về nghĩa so với chữ Hán trong *Từ nguyên* bằng cách thêm nghĩa “việc thất bại, đáng thương”.

Đồng thời với yếu tố HV riêng biệt sản sinh nghĩa mới, yếu tố HV khi tạo thành từ ghép cũng biến đổi về nghĩa, đem đến nghĩa khác biệt với nghĩa của tiếng Hán. Dưới đây (xem bảng) là một số dẫn chứng về từ ghép sản sinh nghĩa mới (trong bảng gồm (1) âm HV và nguyên tự, (2) nghĩa trong tiếng Hán (theo *Từ nguyên*) [4], (3) nghĩa trong tiếng Việt (theo *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên) [5], (4)

nhận định về sự khác biệt của từ ghép trong tiếng Việt so với từ ghép trong tiếng Hán).

1	2	3	4
<i>Bồi hồi</i> (徘徊)	Về dưng dưng, trở đi trở lại.	Trạng thái có cảm xúc, ý nghĩ trở đi trở lại, làm xao xuyến không yên, thường là nói những việc đã qua.	Từ ghép <i>bồi hồi</i> trong tiếng Hán nhấn mạnh hành động, còn từ ghép <i>bồi hồi</i> trong tiếng Việt nhấn mạnh đến trạng thái tinh thần.
<i>Bông bột</i> (蓬勃)	Về nhiều, về phát triển	1. Sôi nổi và có khí thế mạnh mẽ. 2. Sôi nổi, háng hái nhưng thiếu chín chắn, không lâu bền.	Từ ghép <i>bông bột</i> trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có nghĩa chỉ trạng thái phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, trong tiếng Việt từ ghép <i>bông bột</i> có sắc thái nhận định về sự thiếu chín chắn.
<i>Khoái chá</i> (膾炙)	Nem và chả, đều chỉ vị ngon	Có cảm giác thích thú, thường biểu hiện ra bên ngoài.	Từ ghép <i>khoái chá</i> trong tiếng Hán chỉ món ăn, món ngon, còn từ ghép <i>khoái chá</i> trong tiếng Việt chỉ trạng thái tinh thần.
<i>Khốn nạn</i> (困難)	Tình thế khó khăn, nhiều trở ngại.	1. Khốn khổ đến mức thảm hại đáng thương. 2. Hèn mạt, không còn chút nhân cách, đáng khinh bỉ, nguyên rủa.	Từ ghép <i>khốn nạn</i> trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có nghĩa khó khăn, gian nan, thảm hại. Tuy nhiên, từ ghép <i>khốn nạn</i> trong tiếng Việt còn có nghĩa đốn hèn, không nhân cách.
<i>Phương phi</i> (芳菲)	Cỏ thơm, phẩm chi hương thơm của hoa cỏ	Béo tốt, biểu hiện mặt mày nở nang, trông khỏe và đẹp.	Từ ghép <i>phương phi</i> trong tiếng Hán là từ chỉ thực vật, còn từ ghép <i>phương phi</i> trong tiếng Việt chỉ đặc điểm của con người.
<i>Thủ đoạn</i> (手段)	Bản lĩnh, phương pháp để xử lý công việc	Cách làm khôn khéo, thường là xảo trá, chỉ cốt sao đạt được mục đích của riêng mình.	Từ ghép <i>thủ đoạn</i> trong tiếng Hán có ý nghĩa tích cực, còn từ ghép <i>thủ đoạn</i> trong tiếng Việt có ý nghĩa tiêu cực (trong tiếng Việt, từ này còn có thể trở thành tính từ nhấn mạnh tính xảo trá).

Như vậy, việc phân tích yếu tố HV thành nhiều phương diện gồm hình thể, âm đọc, ý nghĩa có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu yếu tố HV một cách đầy đủ, tường tận. Thủ pháp phục nguyên bên trong là công cụ phù hợp trong nghiên cứu đối tượng ngôn ngữ này. Nó có mối liên hệ với các thủ pháp nghiên cứu cùng phương pháp và thủ pháp nghiên cứu của phương pháp nghiên cứu khác.

*Định hướng xác định niên đại cho yếu tố HV:*

Phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh áp dụng nghiên cứu một đối tượng ngôn ngữ. Quá trình xác định niên đại cho yếu tố HV có thể là một yếu tố hoặc một hệ thống yếu tố có một ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu tiến trình phát

triển ngôn ngữ, ví như vấn đề ty hủ. Tại Việt Nam, việc ty hủ hoặc ở tầm quy chế do nhà nước ban hành hoặc tự phát ở phạm vi rộng, trong thời gian dài, dẫn đến sự thay đổi các phương diện của yếu tố HV, đặc biệt là âm đọc và hình thể của văn tự. Một loạt âm đọc của yếu tố HV có thể được lý giải dựa vào quy định kiêng húy. Tác giả Ngô Đức Thọ khái quát về việc kiêng âm húy như sau: “Tất cả các chữ húy đã ban bố đều phải kiêng âm. Việc kiêng âm từng trường hợp như thế nào có quy định cụ thể. Ngay cả khi không có quy định cụ thể, người dân phải tự lựa chọn một hình thức đọc chệch để tránh không phát âm nguyên vẹn tên húy. Quy tắc tổng quát là giữ nguyên phụ âm đầu và thực hiện biến âm ở phần vần. Việc biến âm phần vần có thể hoặc mô phỏng tiền lệ đã có trước về sự chuyên hóa âm cổ HV thành âm thuần Việt, hoặc lợi dụng hiện tượng một từ Hán có 2, 3 cách đọc để lựa chọn cách đọc khác với âm húy” [6].

Hiện tượng kiêng âm mang theo yếu tố văn hóa của một thời kỳ lịch sử, ví dụ sự tôn trọng của người Đàng Trong với chúa Nguyễn. Tác giả cuốn *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các triều đại* nhận định: “Khác với việc kiêng chữ húy, việc kiêng âm húy gắn bó nhiều yếu tố truyền khẩu. Từ việc kiêng húy trong gia tộc của chúa Nguyễn lan truyền đến những người giúp việc xung quanh, quan lại cao cấp, những nơi có quan hệ công việc đến phủ chúa... người này truyền cho người khác, đời này truyền cho đời khác, lâu dần thành một tập quán kiêng âm húy của các chúa Nguyễn rất bền vững. Các chúa Nguyễn có một quá trình lập nghiệp lâu dài ở Đàng Trong, không nói về việc danh nghĩa người Đàng Trong vẫn là thần dân của nhà Lê, nhưng quan hệ nhiều mặt về chính trị, kinh tế, xã hội... hàng ngày khiến cho họ cảm nhận được rõ ràng bề trên tối cao trong xứ sở của họ là các chúa Nguyễn. Không nói đến sử sách của nhà Nguyễn về sau, các truyện ký, văn bia của thời kỳ này cũng phần nào cho chúng ta thấy được uy tín và ân nghĩa của các chúa Nguyễn đối với các tầng lớp nhân dân ở Đàng Trong. Do những nguyên nhân lịch sử xã hội như vậy, việc kiêng âm húy của các chúa Nguyễn ở mức độ rộng rãi phổ biến có được là một hiện tượng đặc biệt mà không một cấp quan lại địa phương nào có được” [6]. Ví dụ, âm HV *hoàng* (nguyên tự là 黃) được đọc âm kiêng húy là *huyễn* vì kiêng húy Đuan quốc công Nguyễn Hoàng, âm HV *nhân* (nguyên tự là 仁) được đọc âm kiêng húy là *nhơn* vì kiêng húy Nhân Chiêu Vương Nguyễn Phúc Lan, âm HV *vũ* (nguyên tự là 武) được đọc âm kiêng húy là *võ* vì kiêng húy Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát, âm HV *tông* (nguyên tự là 宗) được đọc âm kiêng húy là *tôn* vì kiêng húy Nguyễn Phúc Miên Tông (Thiệu Trị), âm HV *thì* (nguyên tự là 時) được đọc âm kiêng húy là *thời* vì kiêng húy Tự Đức (chữ thứ hai trong Đế hệ mà Minh Mạng đặt). Nhìn chung, thủ pháp niên đại hóa dùng để nghiên cứu yếu tố HV dẫn đến những kết luận khoa học về hệ thống yếu tố này trong lịch sử phát triển của nó khi những sự kiện lịch sử gắn liền với sự kiện ngôn ngữ và còn lại dấu tích đến ngày nay. Việc truy cầu niên đại của sự

kiện văn hóa lịch sử gắn với sự kiện ngôn ngữ đem đến tri thức đa chiều và sâu sắc đối với hệ thống yếu tố HV.

*Định hướng giải thích về mặt văn hóa và lịch sử cho yếu tố HV:*

Mỗi một yếu tố ngôn ngữ, văn tự đều là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử và có sức sống gắn liền với một cộng đồng. Nhiều nhà nghiên cứu văn tự học đã khẳng định mối tương quan giữa văn tự, ngôn ngữ và văn hóa lịch sử, như tác giả Lý Vận Phú đã viết về chữ Hán: “Trong quá trình sáng tạo chữ Hán, tổ tiên người Hán đem cảm nhận và quan niệm của mình với thế giới bên ngoài, đem thể nghiệm tình cảm và tiêu chuẩn đạo đức của bản thân hòa nhập vào chữ Hán, khiến cho chữ Hán có thể thể hiện được tư tưởng văn hóa và tinh thần dân tộc của người Trung Quốc. Cho nên, chữ Hán không chỉ là phương thức ghi lại tiếng Hán hữu thanh, mà còn là phù hiệu có thể trực tiếp phản ánh tồn tại khách quan, thể hiện nhận thức tâm hồn của chủ thể. Từ góc độ này mà nói, chữ Hán không chỉ là một loại công cụ truyền tải của văn hóa, mà còn là “hóa thạch” của văn hóa” [7]. Yếu tố HV cũng là một yếu tố cấu thành nên ngôn ngữ tất yếu mang theo dấu ấn văn hóa lịch sử của dân tộc, thời đại. Thủ pháp giải thích về văn hóa lịch sử có thể áp dụng nghiên cứu yếu tố HV ở cả cấp độ đơn vị và cấp độ hệ thống.

Mỗi yếu tố HV đều hàm chứa dấu tích về văn hóa, lịch sử và thủ pháp giải thích về mặt văn hóa và lịch sử thực hiện nghiên cứu từng đơn vị yếu tố HV. Trên cơ sở đó, các yếu tố HV được nghiên cứu một cách tổng quan về giá trị biểu đạt trong ngôn ngữ và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ, yếu tố HV *nhận* mang nghĩa “hiểu biết”, có nguyên tự là 認. Nguyên tự 認 của yếu tố HV *nhận* là chữ hội ý gồm *ngôn* 言 chỉ ý liên quan đến lời nói và *nhãn* 見 chỉ âm. *Ngôn* mang nghĩa lời nói, người cất tiếng để gọi tên sự vật, đó là bước khởi đầu đối với quá trình nhận thức của con người đối với sự vật hiện tượng. Nhưng định danh thì chưa đủ, cần hiểu được bản chất của sự vật hiện tượng, cần thâm nhập được vào cấu tạo của nó. Quá trình tìm hiểu bản chất sự vật hiện tượng thể hiện ở chữ *nhãn*. *Nhãn* 見 là chữ hội ý gồm *nhận* (刃 mũi dao) và *tâm* (心 trái tim), lấy mũi dao để phân tách, tìm hiểu bên trong sự vật hiện tượng. *Tâm* tượng trưng cho cốt lõi của sự vật hoặc đời sống tinh thần. *Nhãn* chính là quá trình biện biệt sự vật, để nhận biết sự khác biệt giữa các sự vật, để nhận ra bản chất. Bản thân chữ *nhãn* (mũi dao trong tim) cũng hàm chứa thông điệp, con đường nhận thức luôn gian khổ, người nào không chịu được gian khổ thì không đạt đến tận cùng sự hiểu biết. Quá trình đi đến chân lý luôn cần sự kiên tâm, nhẫn nại. Như vậy, trong hình thể chữ *nhận* đã biểu đạt nhận thức là quá trình xác định sự vật và hiểu sâu sắc được bản chất của sự vật. Quá trình này đòi hỏi sự kiên định của con người, vượt qua trở ngại để đến với chân lý. Như vậy, hướng nghiên cứu bằng thủ pháp giải thích về văn hóa và lịch sử có thể tìm ra được những yếu tố, dấu ấn văn hóa lịch sử trong từng yếu tố HV.

Việc giải thích về văn hóa lịch sử của các yếu tố HV cần thực hiện ở cấp độ hệ thống. Tính hệ thống có thể được xem xét trong đặc tính yếu tố HV có quan hệ mật thiết về ý nghĩa và những dấu tích văn hóa lịch sử ấy được tìm hiểu trên cơ sở kết nối nhiều yếu tố Hán Việt. Ví dụ quan niệm về cách giáo dục gắn liền với hình phạt được xác định trong dấu tích của yếu tố HV có liên quan đến sự giáo dục như yếu tố *giáo* (教) với nghĩa “dạy bảo” và yếu tố *cải* (改) với nghĩa “thay đổi”. Cuốn *Tìm về cội nguồn chữ Hán* giải thích chữ *giáo* thuộc loại chữ hình thanh: “Tay thầy giáo đang cầm roi, nhắc nhở đứa trẻ học bài. Trên là *hào* chỉ âm đọc” [8]. Dị thể viết 教 là chữ hội ý gồm *hiếu* (孝 hiếu thảo) và *phốc* (支 dùng roi đánh khê), dùng roi đánh để dạy bảo trẻ về lòng hiếu đễ, cách làm người. Yếu tố HV *cải* mang nghĩa “thay đổi” được *Thuyết văn giải tự* giải thích: 改, 更也. 从支己聲. (*Cải, canh dã. Tông phốc kỷ thanh - Cải* mang nghĩa thay đổi, là chữ hội ý gồm *phốc* 支 mang nghĩa dùng roi đánh và *kỷ* 己 mang nghĩa bản thân, chỉ âm) [9]. Phần bên phải của chữ *cải* trong Giáp cốt văn có hai loại, một loại là hình con rắn biểu ý dùng roi để đánh đuôi, một loại là hình đứa trẻ, biểu thị tay cầm roi đánh đứa trẻ, hội ý về cách giáo dục bằng đòn roi thời cổ đại, khiến cho đứa trẻ thay đổi tốt hơn. Cả hai yếu tố *giáo* (教) và *cải* (改) đều thuộc bộ *phốc* 支 (dùng roi đánh). *Thuyết văn giải tự* (còn gọi là *Thuyết văn*, là từ điển chữ Hán xuất hiện hồi đầu thế kỷ thứ II trong thời nhà Hán) viết: 支, 小擊也. 从又卜聲. 凡支之屬皆从支. (*Phốc* tiểu kích dã, tông hựu bốc thanh. *Phạm phốc* chi thuộc giai tông phốc - *Phốc* mang nghĩa đánh khê, là chữ hình thanh gồm bộ *hựu* (又) chỉ ý liên quan đến tay và *bốc* (卜) chỉ âm, phạm thuộc hành vi đánh đều thuộc bộ *phốc*) [9]. Quan niệm dùng đòn roi trong giáo dục từng một thời bám sâu vào văn hóa của Việt Nam, thể hiện qua ca dao như “Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”...

Hơn nữa, sự phát triển hoặc thoái triển của một lớp từ chính là minh chứng cho sự biến đổi, vận động văn hóa, kinh tế, xã hội của một thời kỳ nhất định khi yếu tố HV tham gia cấu thành nên từ HV được sử dụng trong tiếng Việt. Từ HV luôn chuyên chở thông điệp văn hóa và sự tiếp biến văn hóa của cả một chặng đường lịch sử, ví dụ từ HV gốc Nhật là một dẫn chứng cho sự chuyển biến này. Tại Trung Quốc, tiếng Hán cũng có một số lượng từ tiếp thu từ Nhật Bản, phản ánh sự tương tác văn hóa của Trung Quốc và Nhật Bản. Lớp từ HV gốc Nhật trong tiếng Việt cần được nghiên cứu một cách đầy đủ, tường tận hơn. Trong thực tế, lớp từ HV gốc Nhật trong một số lĩnh vực như chính trị, khoa học, triết học, giáo dục, nghệ thuật chứng tỏ sự phát triển của xã hội ở một trình độ nhất định và phản ánh một sự giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản. Ngược lại, sự “ấn nập” của một lớp từ cũng phản ánh diễn biến, sự thay đổi văn hóa xã hội của một thời kỳ. Những từ ghi về chức quan hoặc việc khoa cử thời phong kiến sẽ được tìm thấy khi cần nhưng không phải là từ phổ cập được phân đông người Việt Nam hiểu ngay khi đọc. Như vậy, ở cấp độ

hệ thống, yếu tố HV khi tổ thành từ HV cũng phản ánh, thể hiện, minh chứng cho sự phát triển của văn hóa và lịch sử của một thời kỳ nhất định. Việc ứng dụng thủ pháp phân tích lịch sử văn hóa trong nghiên cứu yếu tố HV nhất định đưa đến nhiều thành tựu, đóng góp cho thành quả nghiên cứu ngôn ngữ nói chung.

## Kết luận

Phương pháp lịch sử - so sánh trong nghiên cứu ngôn ngữ với một số thủ pháp như phục nguyên bên trong, thủ pháp niên đại hóa, thủ pháp giải thích về văn hóa và lịch sử phù hợp trong nghiên cứu hệ thống yếu tố HV. Với các thủ pháp của phương pháp nghiên cứu này, hệ thống yếu tố HV sẽ được phục nguyên bên trong nhằm tìm hiểu phương diện hình thể, âm đọc, ý nghĩa của yếu tố trên cả trục lịch đại và đồng đại. Hình thể của yếu tố HV được tầm nguyên nguyên tự và nghiên cứu giá trị biểu đạt nguyên tự. Âm đọc của yếu tố HV được nghiên cứu trong quá trình vận động với sự tồn tại của âm tiền HV, âm HV, âm HV Việt hóa. Phương diện ý nghĩa được nghiên cứu để thấy được sự vận động, sáng tạo và sức sống của tiếng Việt. Thủ pháp niên đại hóa giúp lý giải về sự tồn tại của yếu tố HV gắn liền với những sự kiện lịch sử nhất định. Dấu ấn về văn hóa và lịch sử còn trong yếu tố HV được tìm hiểu bằng thủ pháp giải thích về văn hóa lịch sử. Với sự kết hợp giữa các thủ pháp của phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh, giữa phương pháp nghiên cứu lịch sử - so sánh với phương pháp nghiên cứu khác, hệ thống yếu tố HV được khảo luận một cách toàn diện và sâu sắc.

## LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) thông qua đề tài mã số 602.02-2019.02. Tác giả xin trân trọng cảm ơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thiện Giáp (2015), *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.556-558.
- [2] Nguyễn Tài Căn (2004), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.19.
- [3] Nguyễn Ngọc San (2003), *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm, tr.142, 180.
- [4] Từ nguyên (1999), *Thương vụ ấn thư quán*, Bắc Kinh, tr.127, 307, 309, 651, 1348, 1398, 1421, 1468.
- [5] Hoàng Phê (chủ biên) (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr.79, 81, 486, 491, 766, 926.
- [6] Ngô Đức Thọ (1997), *Nghiên cứu chữ huy Việt Nam qua các triều đại*, Nxb Văn hóa, tr.49, 120, 180.
- [7] Lý Vận Phú (2018), *Hán tự học tân luận*, Nxb Thế giới, tr.450.
- [8] Lý Lạc Nghị (1997), *Tìm về cội nguồn chữ Hán*, Nxb Thế giới, tr.236.
- [9] Hứa Thận (Hán) soạn, Đoàn Ngọc Tài (Thanh) chú (2011), *Thuyết văn giải tự*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, Thượng Hải, tr.122, 124.